



Số: 01.11/2020-TM/CKDA

(v/v: mời chào mua vật tư, phụ kiện
chậm luân chuyển)

Hà Nội, Ngày 30 tháng 11 năm 2020

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty

Hiện nay, Công ty chúng tôi đang có nhu cầu thanh lý vật tư sản xuất, phụ kiện ngành nhôm Các thông tin cụ thể như sau:

1) Tên hàng hóa, số lượng: (theo bảng kê chi tiết đính kèm)

2) Giao nhận

- Tiến độ và thời gian giao hàng: Trước ngày 31/03/2021
- Địa điểm giao hàng: Tại kho của Công ty cổ phần Cơ Khí Đông Anh Licogi, Km12+800 tổ 6, thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, TP. Hà Nội.
- Phương thức giao nhận: Bên Mua tự vận chuyển, bên Bán chịu trách nhiệm bốc hàng lên xe bên Mua tại kho bên Bán.

3) Thanh toán

- Hình thức thanh toán : Chuyển khoản.
- Đồng tiền thanh toán : Đồng Việt Nam
- Phương thức thanh toán : Thanh toán trước khi giao hàng.

4) Thời gian chào giá

4.1 Thời gian chào bán hàng

- Thời gian nhận thư chào mua hàng: đến 16h30, ngày 15 tháng 12 năm 2020. Nếu quá thời hạn trên, thư chào giá bị coi là không hợp lệ.
- Hiệu lực của thư chào giá: Tối thiểu 15 ngày kể từ ngày hết hạn nộp thư chào giá.

4.2 Thời gian mở thư chào giá: Vào 14h00, ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Công ty Cổ Phần Cơ Khí Đông Anh Licogi

4.3 Đề nghị Quý công ty gửi chào giá trong phong bì được niêm phong kín và ghi rõ ngoài phong bì: “ Hồ sơ chào giá cạnh tranh thu mua vật tư, phụ kiện ... theo thư mời

chào giá số 01.11/2020/TM/CKDA ngày/....../2020 – không được mở trước giờ quy định”.

4.4 Địa chỉ nhận thư: Phòng Hành chính & Bảo Vệ Công ty Cổ Phần Cơ Khí Đông Anh Licogi, Km12+800, Tổ 6, thị trấn Đông Anh, Hà Nội.

5) Địa chỉ liên hệ

- Ông Lương Ngọc Hải – Phụ trách Phòng mua hàng.
- Công ty Cổ Phần Cổ Phần Cơ Khí Đông Anh Licogi.
- Di Động: 0962.945.911 - Điện thoại: 0243.965.5139 - Email: hai.ln@ckda.vn
- Địa chỉ : Km12 + 800, Quốc lộ 3, Tổ 6, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành Phố Hà Nội

Nơi gửi:

- Như trên
- Lưu : PMH

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lã Quý Duân

BẢNG KÊ CHI TIẾT VẬT TƯ THANH LÝ

TT	Mã Số	Chủng loại	ĐVT	Số lượng
1	IN0028_VP	Thép Inốc SU304 d10	Kg	3,559
2	IN0082_VP	Thép ống inox Su202 F48 x 2,5	Kg	63
3	IN0084_VP	Thép ống Inox SU202 ϕ 60.5 x 2.8	Kg	56
4	IN0089_VP	Thép ống inox F42 x 2	Kg	106
5	IN0153_VP	Thép hộp inox Sus201 - 30 x 60 x 2	kg	14
6	INA0066_VP	ống Su201 F70	Kg	147
7	INA0087_VP	Thép Inox Su 304 L40 x 40 x 3	Kg	29
8	INA0098_VP	Thép ống SU304 F73x3	Kg	28
9	LM0008_VP	Đồng đồ cây F 14	Kg	118
10	LM0038_VP	Đồng đồ ống F 20	Kg	214
11	LM0065_VP	Đồng đồ 50 x 25	Kg	21
12	LM0141_VP	Đồng phế liệu	Kg	762
13	TC0005_VP	Thép C45F18	Kg	457
14	TC0242_VP	Thép SKD 61 ϕ 301	Kg	469
15	TC0243_VP	Thép C20 ϕ 16	Kg	481
16	TH0261_VP	Thép hộp H14 x 14	Kg	26
17	BI0402_VP	Bi ZKLF 2575-2RS	Vòng	1
18	BIA0026_VP	Bi 46203	Vòng	7
19	BIB0154_VP	Bộ gối đỡ vòng bi 1209K + H209 + DH509	bộ	24
20	BIB0248_VP	Bộ gối đỡ vòng bi 1213K + H213 + DH513	bộ	6
21	PT0188_VP	Lọc khí máy nén khí S29BOS	cái	3
22	PT0254_VP	bầu lọc tách dầu khí	Cái	2
23	PT0310_VP	Lọc tách dầu CoBeco	cái	1
24	BD0041_VP	Bóng đèn cao áp gián tiếp 220V-250W	cái	17
25	BD0043_VP	Đèn pha cao áp gián tiếp 250W	Bộ	20
26	BD0060_VP	Đèn tín hiệu 220V	Cái	60
27	DS0002_VP	ống xả khí nén DMM 2040R7720	Cái	7
28	DS0029_VP	Phốt gạt dầu 2040F0471	Cái	20

29	DS0035_VP	Thanh gạt cụm tấm mẫu 2013A1001	Cái	57
30	DS0041_VP	Senser mức type FTC 526m	Cái	3
31	DS0053_VP	Giảm thanh 3/8 LS 03	Cái	2
32	DS0080_VP	Van khí 3 cửa 9107L5614	Cái	2
33	LD0037_VP	Cát nhựa (Cát khuôn đúc V6 - 25 SX)	Kg	1,450
34	QHA0033_VP	Que hàn DMn 350 F4	Kg	35
35	SN0014_VP	Sơn xanh lá cây 04AK	Kg	152
36	SNA0114_VP	Bột sơn PR31/4017/C	Kg	25
37	VD0411_VP	ống sứ dây điện trở Φ 25-30 x 1m	cái	189
38	VD0443_VP	Tụ điện 250V - 0.22UF - 200W	cái	40
39	AC0189_VP	Cán dao PWLNL 2020 K06	Cái	3
40	AC919_VP	Mảnh cắt ZDFG200 - ST ATH 80 D	cái	4
41	AC0265_VP	Mũi khoan F 15,5- 1184	cái	1
42	AC0414_VP	Mũi khoan SD25-16.5-61-18R5	Cái	10
43	AC0675_VP	Mũi khoan 61221 - 8.000	cái	4
44	AC0678_VP	Vít Pramet-Czech US 3512 - T15P	cái	30
45	AC0732_VP	Mũi dao 218.20-150ê- M08.F40M	cái	4
46	AC0744_VP	chuôi dao CTEL2020 - 4T25	cái	1
47	AC0757_VP	Mảnh cắt EPNW 0603TN - 8JS4045	cái	9
48	AC0779_VP	Mảnh cắt Tungaloy - Nhật SDKN42 ZTN : AH130	cái	40
49	AC0782_VP	Mảnh cắt Pramet- Czech WNMG080408E-FM:T9310	cái	15
50	AC0796_VP	Cán dao ASRL 2016R-2	cái	1
51	AC0811_VP	Hạt dao SCGX07308-PL,DP 3000	cái	46
52	AC0924_VP	Mũi dao CCMT09T304 - F1 . TH 1000	Cái	20
53	AC0943_VP	Hạt dao DNMG 150408 - ZF Tungaloy	cái	42
54	AC0944_VP	Tiện ren 16NLAG 60 Secolor	Cái	8
55	AC0945_VP	Tiện ren 16NLAG55 CP50 Secolor	Cái	15
56	AC0946_VP	Tiện ren 16ELAG60 - CP50 Secolor	Cái	3
57	AC0947_VP	Phay hốc SOMT 09T304 8240 Pramet	Cái	30
58	AC0948_VP	Mũi khoan tâm F10 x 90	Cái	4
59	AC0949_VP	Mũi khoan F27 Guhring	Cái	2
60	DA0153_VP	Dao phay 3 mặt F160 x 4	Cái	4
61	DC0422_VP	Súng phun sơn F100- S15T	cái	4
62	DC0432_VP	áo côn VQ - 101	cái	2
63	DC0433_VP	áo côn VQ - 105	cái	2

64	DCD0024_VP	Mảnh cắt Tungaloy - Nhật WGE40 : T9125	Cái	6
65	DU0003_VP	Dũa tròn 350	Cái	17
66	DU0004_VP	Dũa tròn 400	Cái	18
67	DU0015_VP	Dũa dẹt 300	Cái	8
68	MK0004_VP	Mũi khoan F 1	Cái	20
69	MK0007_VP	Mũi khoan F 2.5	Cái	34
70	MK0011_VP	Mũi khoan F 4	Cái	16
71	MK0012_VP	Mũi khoan F 4.5	Cái	14
72	MK0013_VP	Mũi khoan F 4.8	Cái	59
73	MKA0003_VP	Mũi Khoan F0.5	Cái	10
74	TA0029_VP	Ta rô M20x1,5	Bộ	10
75	TA0076_VP	Ta rô máy M16x1.5	cái	31
76	TA0082_VP	Ta rô máy M20x2,5	Cái	16
77	TA0088_VP	Ta rô máy M30 x 2	Cái	3
78	TA0115_VP	Taro M42 x 3	cái	1
79	TA0128_VP	Taro M32 x 2	cái	2
80	TAA0020_VP	Ta rô M12 x 1,75	Bộ	4
81	TAA0078_VP	Ta rô máy M14 x 1,5	cái	10
82	TAA0080_VP	Ta rô máy M18	Cái	40
83	TAA0096_VP	Ta rô máy M42	Cái	18
84	TAA0100_VP	Taro M56 X 4.5 HSS	cái	4
85	TAB0078_VP	Ta rô máy M14 x 2	Bộ	40
86	TAB0101_VP	Ta rô máy M48 x 4,5	Cái	13
87	BR0019_VP	Bàn ren M 12	Cái	4
88	BR0019a_VP	Bàn ren M12x1,5	Cái	1
89	BR0021_VP	Bàn ren M 14	Cái	12
90	BR0027_VP	Bàn ren M 16x2	Cái	7
91	BR0041_VP	Bàn ren M 27	Cái	5
92	DC0387_VP	Van xả cát	cái	1
93	DC0559_VP	Hạt dao tiện WNMG080408PQ	cái	7
94	DC0572_VP	Hạt dao	Cái	200
95	DCB0222_VP	Máy mài hơi	cái	1
96	DM0024_VP	Đá mài F 250x32x20	Viên	2
97	TAB0102_VP	Taro máy HSS M48 x 5	cái	6
	Tổng cộng:			

BẢNG KÊ CHI TIẾT VẬT TƯ THANH LÝ

TT	Mã số	Chủng loại	ĐVT	Số lượng
1	B009	Băng keo bảo vệ in lôgô Itabello độ dính thấp (màng bảo vệ nhôm)	kg	233
2	B010	Băng keo bảo vệ in lôgô Itabello độ dính cao (màng bảo vệ nhôm)	kg	300
3	B023	Băng keo dán bảo vệ bề mặt nhôm in lô gô Smart	kg	287
4	B025	Băng keo in lôgô Việt ý-DAA độ dính cao (màng bảo vệ nhôm sẵn)	kg	580
5	B028	Băng keo in lôgô Việt ý-DAA độ dính thấp	kg	322
6	HC0072	Golden colour additive G.C (CG-2)	kg	507
7	HC1033	Hoá chất Free Cr-DT60	kg	625
8	HC1034	Hoá chất NH4OH	lít	24
9	HC1035	Hoá chất AH	kg	155
10	IN0107	Tấm inox 8K	tấm	1
11	LP2252	Mũ chụp đúc bằng nhôm	cái	1,670
12	LP2294	Mũ chụp sắt ϕ 80 x 80	cái	200
13	LP2335	Mổ cầu	kg	66
14	LP2346	Tai inox	cái	1,650
15	LP2422	Mũ thép loại 2 CT45	cái	6
16	QH0051	Vít inox 4x20	cái	1,700
17	QH0052	Vít inox 5x50	cái	200
18	QH0055	Vít và nở M8	bộ	410
19	QH0085	Dây hàn 2.5mm	kg	20
20	SN.0134	Sơn tĩnh điện Đông Tai NJ-0134	kg	50
21	SN.0138	Sơn tĩnh điện GL/3/0138AV	kg	314
22	SN.1019905	Sơn bột tĩnh điện 1019905PX20 (BH20)	kg	114
23	SN0360	Sơn tĩnh điện YL/3/0360AV (347V)	kg	727
24	SN0454	Sơn tĩnh điện DBP/0454/A (màu 9006)	kg	45
25	SN0464	Sơn tĩnh điện Vosco GL/3/0464/AV (380V)	kg	20
26	SN0531	Sơn tĩnh điện DPP/0531/S	kg	65
27	SN0764	Sơn tĩnh điện YL/2/0764 (YL244V)	kg	360
28	SN1002825	Sơn bột tĩnh điện 1002825PX20	kg	10
29	SN1002830	Sơn tĩnh điện Jotun 1002830Px20	kg	198
30	SN1027280	Sơn tĩnh điện Jotun 1027280Px20	kg	40
31	SN1205707	Sơn tĩnh điện Jotun 1205707PX20	kg	40

32	SN1211577	Sơn tĩnh điện 1211577PX20 (PE-F1301 Med Grey SHR)	kg	1,014
33	SN1212023	Sơn tĩnh điện Jotun 1212023Px20 (1002831 - BH20)	kg	60
34	SN1215375	Sơn bột tĩnh điện Jotun 1215375PX20	kg	40
35	SN1224113	Sơn tĩnh điện Jotun 1224113PX20	kg	40
36	SN1700	Sơn tĩnh điện Đông Tai NJ-1700	kg	25
37	SN1703	Sơn tĩnh điện Đông tai NJ-1703	kg	100
38	SN1826	Sơn tĩnh điện TJ-1826	kg	75
39	SN1834	Sơn tĩnh điện Đông Tai NJ-1834 (9001)	kg	100
40	SN1934	Sơn tĩnh điện Đông Tai NJ-1934	kg	125
41	SN1935	Sơn tĩnh điện NJ 1935	kg	60
42	SN1954	Sơn tĩnh điện Đông Tai NJ-1954	kg	40
43	SN20776	Sơn lót Tiger 019/20776	kg	175
44	SN219V	Sơn tĩnh điện GM219V (GM/2/1126AV)	kg	103
45	SN229V	Sơn bột MK229V (MK/2/13517AV)	kg	254
46	SN231V	Sơn tĩnh điện GL231V (ral 7040)	kg	50
47	SN2514	Sơn tĩnh điện Đông Tai NJ-2514 (1034)	kg	29
48	SN2676	Sơn tĩnh điện ML/3/2676/AV (MP358V)	kg	91
49	SN278V	Sơn tĩnh điện YL278 (YL/2/0768AV)	kg	8
50	SN279V	Sơn tĩnh điện GL279V (GL/2/1192AV)	kg	147
51	SN29497	Sơn tĩnh điện PCTV 29497 (BH 20 năm)	kg	11
52	SN336V	Sơn bột tĩnh điện GL336V (GL/3/0246AV)	kg	555
53	SN341V	Sơn tĩnh điện YL341V (YL/3/0219AV) BH 25 năm(7012)	kg	60
54	SN4332A	Sơn tĩnh điện PX4332(S)-TX-A	kg	140
55	SN6314	Sơn bột tĩnh điện TJ 6314	kg	50
56	SN6475	Sơn tĩnh điện Đông Tai DT-6475S	kg	91
57	SN6641	Sơn tĩnh điện Đông Tai TJ-6641	kg	78
58	SN6665	Sơn tĩnh điện Đông tai TJ-6665	kg	50
59	SN6669	Sơn tĩnh điện Đông tai TJ-6669	kg	50
60	SN70723	Sơn bột tĩnh điện PCTV-70723	kg	528
61	SN73961	Sơn tĩnh điện PPG PCTV-73961 (79633)	kg	20
62	SN75197	Sơn tĩnh điện Đại Phú DP29/75197/CS	kg	94
63	SN76123	Sơn tĩnh điện Đại Phú DP29/76123/CW3	kg	73
64	SN76133	Sơn tĩnh điện Đại Phú DP29/76133/CS	kg	25
65	SN7792	Sơn tĩnh điện Đại Phú DP29/7792/CW3 (7043)	kg	50
66	SN79586	Sơn tĩnh điện PCTV 79586 (BH 20 năm)	kg	9
67	SN79872	Sơn tĩnh điện PCTV-79872	kg	20
68	SN80172	Sơn tĩnh điện PCTV-80172A	kg	20
69	SN8032	Sơn tĩnh điện Đông tai CJ-8032	kg	62
70	SN8052	Sơn tĩnh điện Đông tai TJ-8052	kg	70
71	SN8152	Sơn lót Đông tai NJ-8152	kg	25

72	SN3078	Sơn bột tĩnh điện Đông Tai TJ-3078	kg	85
73	SN0305	Sơn tĩnh điện PX4332 - DAA0305	kg	20
74	SNVGY1011	Sơn tĩnh điện PX4332(S)-TX-VGY1011	kg	100
75	SN8246	Sơn tĩnh điện Đông Tai NJ-8246	kg	50
76	SN8336	Sơn tĩnh điện Đông tai NJ-8336	kg	10
77	SN930099	Sơn bột tĩnh điện 930099(1022603 Px20)	kg	40
78	SNDS403	Sơn tĩnh điện DS403 (sơn lót BH 10 năm)	kg	138
79	SN8576	Sơn tĩnh điện KCC PX8576(F)-DAA WHITE	kg	66
80	SNVGN002	Sơn tĩnh điện KCC PX4332(S)-TX VGN002	kg	157
81	TB010	Túi bao gói ϕ 150 Itabello	kg	298
82	TB038	Túi bao gói ϕ 150 Aluko	kg	311
83	TC2008	Thép trục CT45 ϕ 34	cái	50
84	TL0142	Lập là thép 50*50*3	cái	300
85	TO0237	Thép ống ϕ 48	cây	100
86	DH0003	Vấu hãm F14CI	chiếc	19
87	DH0006	Đầu nối đa điểm FB61 (H=6.5mm)	chiếc	14
88	DH0007	Miệng ốp 1 cánh KB-3G	chiếc	33
89	DH0008	Đầu liên kết đa điểm FB3H	chiếc	29
90	DH0015	Tay cài đa điểm F33 (L=24)	cái	5
91	DH0017	Đón khoá KB-2G	cái	5
92	DH0025	Thân khoá T88530	cái	7
93	DH0026	Vấu cài thanh chuyển TK-17G	cái	170
94	DH0028	Bản lề 3D ZH-B081	cái	363
95	DH0037	Tay nắm F33A-R (F33EU30;L=30)	cái	372
96	DH0038	Tay nắm F33A-L (F33EU30;L=30)	cái	355
97	DH0045	Thanh dẫn LG12-1000	cái	50
98	DH0046	Thân khoá đơn điểm 3085AJ	cái	12
99	DH0052	Bản lề ZH-065-1	bộ	10
100	DH0057	Lõi khoá 1 đầu chia 68#34/34T	chiếc	12
101	DH0059	Miệng sập TK27G	chiếc	3
102	DH0067	Đầu nối đa điểm FB61 (H=12mm)	chiếc	34
103	DH0094	Tay nắm PM-22 (đen)	bộ	2
104	DH0095	Miệng cửa KB-11G	cái	17
105	DH0107	Khóa chốt TLYTS	cái	17
106	DH0117	Kẹp đỉnh DH-XMJF1L	cái	4
107	DH0118	Kẹp đỉnh DH-XMJF1R	cái	4
108	DH0157	Bản lề sàn DH-DTH100A	bộ	-
109	KL0667	Khoá cửa MSC28-I/II	bộ	344
110	KL0670	Tay nắm khoá MZS20	bộ	134
111	KL0672	Chân khoá MCX300A	cái	76
112	KL0678	Thanh chuyển đổi N39	cái	932
113	KL0679	Thanh chuyển đổi N40	cái	1,198
114	KL0680	Chân khoá SCX 220	cái	182
115	KL0682	Tay chống HC450-18"	cái	222

116	KL0683	Tay chống HC450A-22"	cái	303
117	KL0698	Tay nắm CZS330 (L330)	bộ	64
118	KL0699	Thanh dẫn khoá LZDC01-500	cái	73
119	KL0706	Tay nắm CZS619 (L=300)	bộ	8
120	KL0707	Thanh dẫn LZDG03-600	cái	2
121	KL0763	Thanh trượt TLG01-1200	cái	249
122	KL0777	Tay khoá CZS-318 R	cái	168
123	KL0778	Đệm rãnh dưới trái DG-01	cái	827
124	KL0779	Đệm rãnh dưới phải DG-02	cái	211
125	KL0785	Chống đập cánh FK-A	cái	3,237
126	KL0803	Nhựa chắn nước mưa màu đen FSG01	cái	1,564
127	KL0877	Kẹp F trái FM62L	cái	1
128	KL0878	Kẹp F phải FM62R	cái	2
129	KL0918	Tay nắm CZS160 White (L=30)	bộ	148
130	KL0919	Tay nắm CZS160 Black (L=30)	bộ	149
131	KL0932	Bản lề chữ A HC610-8"	cái	78
132	KL0933	Thanh dẫn LZDG 02-400	cái	49
133	KL0934	Tay nắm CZS619 (L=34)	bộ	26
134	KL0935	Thanh trượt TLG01-800	cái	32
135	KL0948	Chân nhện (sprider) TF12	bộ	71
136	KL0959	Tay chống sao SCR-320-12"	cái	11
137	KL0961	Thanh trượt TLG01-600	cái	5
138	KL1063	Bản lề HC420-10"	cái	15
139	KL1064	Chốt SCX 500	cái	131
140	KL1102	Bản lề HC400-10"	cái	256
141	KL1257	Thanh dẫn LZDC01-800	cái	55
142	KL1258	Tay Khoá CZS70R	cái	15
143	KL1260	Bản lề LHD25-R	cái	22
144	KL1261	Điểm khoá chốt HDS7	cái	14
145	KL1262	Thanh liên kết ZCD-03	cái	7
146	KL1266	Thanh dẫn LZDC01-700	cái	32
147	KL1267	Tay Khoá CZS-70L	cái	278
148	KL1272	Thanh trượt TLG02-1200	cái	116
149	KL1275	Chấu kẹp chân lan can YM03A	chiếc	18
150	KL1281	Ngõng trên DZ201-02	cái	8
151	KL1286	Chấu kẹp ZCF07	cái	8
152	KL1293	Kẹp đỉnh FM303	cái	1
153	KL1294	Kẹp kính L FM403	cái	1
154	KL1295	Tay nắm LS10208	cái	7
155	KL1297	Kẹp kính WB1401	cái	8
156	KL1299	Nút nhựa bản lề LHD-25	cái	320
157	KL1402	Khóa sò Y06A/II	cái	1
158	KL1404	Bánh xe CL50K4	cái	5
159	KL1405	Tay nắm cửa CZS319-R-B	bộ	8

160	PK0015	Phốt lông 60	cuộn	1
161	PK0029	Bánh xe đơn Hal	cái	142
162	PK0038	Ke chốt nhảy	cái	1,124
163	PK0039	Bánh xe nhựa đơn	cái	258
164	PK0040	Bánh xe nhựa đôi	cái	6
165	PK0056	Vít inox M4x20	cái	21
166	PK005V	Bản lề lá (chữ V) 70	cái	1,859
167	PK0085	Tay khoá 40	cái	2
168	PK0086	Khoá chốt hãm	cái	2
169	PK0092	Vít M5x20	cái	260
170	PK0101	Núm bịt nhựa	cái	7,802
171	PK0137	Bánh xe cửa lửa hệ 70	bộ	4,652
172	PK0140	Bản lề chữ A	cái	58
173	PK0154	Khoá Sò	Bộ	50
174	PK0195	Bo nhựa	cái	1,725
175	PK0244	Chốt móc cửa lửa	cái	1,054
176	PK0294	Vấu chống tháo	cái	904
177	PK0296	Chốt âm HAL	cái	42
178	PK0317	Gioăng cao su số 5	kg	7
179	PK0318	Bộ giảm chấn cửa lửa	cái	639
180	PK0324	Ke góc hệ 40	bộ	181
181	PK0327	Phụ kiện vách dựng	bộ	5,171
182	PK0333	Bộ rãnh khoá cửa trượt	Bộ	15,180
183	PK0334	Tấm kín khí	cái	16,498
184	PK0335	Nhựa lấp sập GAO	cái	875
185	PK0339	Đai ốc + vòng đệm	bộ	12
186	PK0368	Tay chống nhiễu nấc L300	cái	1,611
187	PK0371	Nhựa bịt nước mưa	Cái	6,177
188	PK0373	Ke góc hệ 48 DAA	bộ	20,401
189	PK0374	Tay chống sao L300	cái	21
190	PK0375	Tay chống sao L200	cái	248
191	PK0403	Gioăng Hal	kg	78
192	PK0408	Tay gạt 38	cái	35
193	PK0416	Chống lặc	Cái	456
194	PK0466	Chốt nhảy	cái	800
195	PK0467	Vít M6 x 20	cái	2,000
196	PK0468	Êcu M6	cái	2,090
197	PK0473	Lò xo $\Phi 7.3 \times L=18.7 .48$	cái	20,370
198	PK0474	Chốt nhảy.48	cái	9,900
199	PK0475	Vít M6 x 20.48	cái	9,565
200	PK0476	Êcu M6.48	cái	12,700
201	PK0495	Vít rút $\Phi 5$	cái	280
202	PK0498	Tay cửa bật 40 ZY15 (ĐEN)	Cái	62
203	PK0499	Chốt móc cửa lửa (Đen)	bộ	240

204	PK0502	Bulong inox M8 x 50	bộ	32
205	PK0503	Bulong inox M12 x 120	bộ	20
206	PK0504	Bản mã loại 1	cái	39
207	PK0506	Bản mã loại 2	cái	38
208	PK0512	Khoá Sò có tay (đen)	bộ	636
209	PK0546	Tay nắm cửa thủy lực HD142-2245 (L=800)	bộ	3
210	PK0556	Vít M6 x 60	cái	2,377
211	PK0564	Tay nắm HD142-2244	cặp	1
212	PK0565	Bulong nở M20 x 160 (Ramset)	cái	35
213	PK0570	Bản lề Inox 102mm	cái	9
214	PK0575	Tay chống sao L250	cái	15
215	PK0581	Keo Silicone 819 (300ml)	chai	3
216	PK0584	Vít M6 x 80	cái	5,616
217	PK0589	Chốt âm 20cm	cái	13
218	PK0599	Vít tự khoan M4 x 30	cái	17,605
219	PK0600	Bản lề chữ A 250 (111)	cái	4
220	PK0609	Khoá TN Huy Hoàng EX 70-44	bộ	20
221	PK0614	Kẹp kính dưới FT10	bộ	2
222	PK0624	Kẹp kính SD444	bộ	3
223	PK0625	Kẹp kính SD666	bộ	2
224	PK0626	Kẹp kính SD404	bộ	6
225	PK0631	Bản lề DABL 405	cái	2,994
226	PK0633	Lõi nhựa bản lề hệ 405	cái	14,996
227	PK0637	Bản lề chữ A 300	cái	2
228	PK0638	Bản lề chữ A 450	cái	69
229	PK0639	Tay khoá Kinlong	cái	60
230	PK0640	Thanh khoá 500	cái	10
231	PK0644	Chốt sắt bản lề hệ 405	cái	295
232	PK0652	Gioăng Cao Su EP008E	kg	292
233	PK0653	Gioăng Cao Su EP005E	Kg	86
234	PK0654	Gioăng Cao Su EP027E	Kg	239
235	PK0659	Vít tự khoan đầu dẹt M4.2*30 -inox	cái	11,150
236	PK0664	Bulông LGC M12*80	bộ	1,140
237	PK0687	Đầu chuyển đổi khoá ZCD 55	cái	2
238	PK0688	Chân Khoá CDG 10B	cái	89
239	PK0690	Thanh chuyển đổi khoá CDQ17	cái	35
240	PK0694	Vít tự khoan inox đầu bằng M4x13	cái	30,904
241	PK0696	Bản mã BM5+6	cái	350
242	PK0700	Phôi làm phụ kiện tự sản xuất	kg	135
243	PK0701	Vật tư làm ke sản xuất	cái	71,978
244	PK0705	Khoá sàn BS10	bộ	2
245	PK0714	Bản lề chữ A 400	cái	24
246	PK0715	Bản lề chữ A 350	cái	282
247	PK0717	Chi tiết nhựa bịt đầu (4 loại)	cái	1,423

248	PK0718	Vít đen M3.5 x 30	cái	3,828
249	PK0730	Bản lề cửa A 500	cái	9
250	PK0732	Nhựa cài chân sập DADLC-03	cái	16,593
251	PK0735	Bản lề chữ A 600	cái	47
252	PK0768	Vít tự khoan M5 x 40 đầu bằng	cái	4,861
253	PK0790	Vít inox đầu tròn M4 x 40	cái	8,859
254	PK0791	Vít tự khoan đầu tròn inox M5 x 20	cái	18,629
255	PK0793	Vít tự khoan inox đầu tròn M4 x 12	cái	580
256	PK0808	Vít gỗ inox đầu bằng M6.3 x 120	cái	2,000
257	PK0818	Nhựa bịt NB03	cái	314
258	PK0819	Nhựa bịt NB04	cái	1,782
259	PK0820	Nhựa bịt NB01	cái	651
260	PK0821	Nhựa bịt NB02	cái	3,734
261	PK0832	Nở nhựa M10 x 120	cái	2,000
262	PK0835	Bản lề 90 độ BHY201	bộ	67
263	PK0836	Bản lề 135 độ BHY203	bộ	10
264	PK0839	Bát liên kết BHD208-D25	bộ	36
265	PK0841	ống nối cạnh BHD209-D25	bộ	2
266	PK0842	Nhựa làm kín BWR107	cái	79
267	PK0843	Nhựa làm kín BWR108	cặp	45
268	PK0845	Nhựa làm kín BWR103	thanh	88
269	PK0846	Nhựa làm kín BWR101	cái	14
270	PK0847	Nhựa làm kín BWR109	thanh	9
271	PK0852	Tay nắm 116KL	cái	3
272	PK0857	Vít inox đầu tròn M5 x 20	cái	6,000
273	PK0858	Vít inox đầu tròn M4 x 30	cái	7,412
274	PK0863	Tay nắm BLS1050S L=500	bộ	15
275	PK0864	ống inox BHP25*2.2	ống	19
276	PK0872	Kẹp kính FT41	bộ	1
277	PK0880	Bản lề 3D cửa chớp JX48 phải	Bộ	853
278	PK0881	Bản lề 3D cửa chớp JX48 trái	Bộ	1,063
279	PK0882	Tay khoá cửa chớp ZY15 phải	Bộ	79
280	PK0883	Tay khoá cửa chớp ZY15 trái	Bộ	347
281	PK0884	Vít gỗ inox đầu bằng M5x50	cái	1,337
282	PK0892	Chống va đập cửa	cái	10
283	PK0907	Bát inox ϕ 63	cái	24
284	PK0912	Tắc ke nở M8 x 100	bộ	16
285	PK0913	Tắc ke nở M10 x 120	cái	19
286	PK0914	Bulông inox M10 x 100	bộ	141
287	PK0916	Đầu nối khoá inox Z16	bộ	1
288	PK0920	Nhựa chắn nước mưa màu trắng FSG01	cái	200
289	PK0939	Lập là thép	cái	4,180
290	PK0940	Ke chữ L	cái	10
291	PK0967	Bản lề Savio 1145/53	bộ	17

292	PK0968	Tay khoá Savio 874.31	bộ	9
293	PK0969	Savio 874.804	bộ	18
294	PK0970	Savio 4220/35	cái	9
295	PK0971	Savio 1852.801/85	bộ	9
296	PK0972	Savio 1243.701	cái	38
297	PK0973	Savio 1243.725	cái	38
298	PK0974	Savio 34112360	cái	19
299	PK0975	Savio 879.2	bộ	48
300	PK0976	Savio 1475.9	bộ	62
301	PK0977	Savio 1475.800	cái	112
302	PK0978	Savio 1330ST/16	bộ	36
303	PK0979	Savio 1465	bộ	181
304	PK0980	Savio 1411.6	bộ	163
305	PK0981	Bản lề chữ A ngược L=250	cái	4
306	PK0992	Nhựa ngăn nước mưa 2.2m	Thanh	3
307	PK0993	Nhựa ngăn nước mưa có từ (2.2m)	Thanh	1
308	PK0997	Tay nắm HD142 (35x45x1000x1200)	đôi	2
309	PK1002	Nở sắt M12 x 80	bộ	100
310	PK1003	Bulông inox M12 x 100	bộ	34
311	PK1018	Bản lề Savio 1145.704	bộ	158
312	PK1019	Bản lề Savio 1146/62.5	bộ	149
313	PK1020	Ốp phụ khoá cửa thủy lực	cái	3
314	PK1024	Chốt móc TLS12	bộ	319
315	PK1031	Bản lề Hal 4537	bộ	2
316	PK1032	Bản lề Hal 40345	bộ	55
317	PK1034	Vít inox đầu bằng M4 x 50	cái	-
318	PK1036	Ốp phụ khoá TLS12	cái	280
319	PK1039	Tay chống gió L250	cái	99
320	PK1042	Nhựa ngăn nước BWR104	thanh	40
321	PK1043	Nhựa ngăn nước BWR106	cặp	16
322	PK1056	Bản lề 4400	bộ	2
323	PK1059	Bulông nở inox M14 x 120	bộ	100
324	PK1062	Khoá Y2LGS03	cái	1
325	PK1066	Bản lề Việt Tiệp 08430 màu đen	bộ	288
326	PK1067	Tay âm cửa lửa	cái	1
327	PK1076	Êcu M22	kg	6
328	PK1078	Tay đẩy điện dạng trục	cái	10
329	PK1079	Tay đẩy điện dạng xích	cái	7
330	PK1080	Hộp công tắc điều khiển	cái	10
331	PK1081	Bộ điều khiển từ xa	cái	10
332	PK1084	Bulông inox M10 x 120	cái	58
333	PK1149	Nút bản lề LHD 63 DAA	cái	2,980
334	PK1168	Vít gỗ inox đầu bằng M4 x 20	chiếc	5,018
335	PK1169	Cút góc BHD 303	cái	3

336	PK1185	Tay nắm PMZS00201	cái	4
337	PK1192	Khoá tay nắm EX 8530	bộ	18
338	PK1201	Bulông liên kết tay vịn M16 x 80	cái	6
339	PK1202	Bulông liên kết tay vịn M16 x 60	cái	24
340	PK1203	Đai ốc M22	cái	8
341	PK1205	Tấm đệm bulông móng	cái	8
342	PK1206	Tấm liên kết tay vịn ϕ 110	cái	1
343	PK1207	Tấm liên kết tay vịn ϕ 60	cái	9
344	PK1208	ống liên kết tay vịn ϕ 110	cái	1
345	PK1209	ống liên kết tay vịn ϕ 60	cái	9
346	PK1249	Khóa	cái	2
347	PK1252	Cối hãm Clemon	cái	1
348	PK1262	Kẹp kính VVP	cái	1
349	PK1268	Gioăng Hal 9	kg	10
350	PK1272	ống inox BHP25*1.0 (2m)	ống	3
351	PK1276	Tay nắm BLS105-R	cái	41
352	PK1277	Bản lề BHY-701	cái	11
353	PK1278	Bản lề BHY-703	cái	20
354	PK1279	Bát bắt ống BHD211-D25	cái	29
355	PK1280	Keo Silicon SL819 đen (500ml)	tuýp	51
356	PK1284	Bánh xe SHL95	cái	2
357	PK1292	ống inox BHP 25 x 1.0 (2m)	mét	10
358	PK1309	Mũ chụp nhựa DEL-05	cái	560
359	PK1346	Kẹp kính BFC205	cái	78
360	PK1348	Bản lề BHY-702	bộ	18
361	PK1375	Vít inox đầu tròn M4 x 25	cái	500
362	PK1382	Vít tự khoan inox đầu tròn M3 x 20	cái	3.000
363	PK1411	Tay bản lề sàn AT170	cái	4
364	PK1421	Bản lề PMA	bộ	10
365	PK1774	Tay nắm T-MLS03	cái	1
366	PK1783	Keo Hichem 601 trắng trong (300ml)	tuýp	6
367	PK1790	Bánh xe đôi 4 bánh	cái	1
368	PK1860	Nhôm thanh 7281 (SHG)	Kg	-
369	DP10010	Gạt bụi KWK120	cái	2
370	DP10107	Phốt kép U150*175*15	cái	14
371	DP10108	Phốt cao su ϕ 175*205	cái	21
372	DP10251	Phốt V Packing 80 x 100 x 40	cái	12
373	DP10254	Phốt U Packing 100 x 120 x 12	cái	32
374	DP10259	Gạt bụi THH100	cái	12
375	DP10261	Gạt bụi 120 x 136 x 12	cái	8
376	DP10290	Phốt (V Packing) ϕ 56 x 71 x 23	cái	8
377	DP10292	Gạt bụi THH90 (90 x 100)	cái	10
378	DP10304	Phốt U Packing 70 x 80 x 8	cái	4
379	DP10308	Phốt (V Packing) ϕ 155 x 180 x 50	cái	4

380	DP10320	Van H 4WE326X/6EW110N9K4	cái	1
381	DP110262	Gạt bụi DAS 100/75	cái	2
382	DR0021	Súng bơm keo (DT 9348-2)	cái	1
383	KH0032	Khuôn đúc mố cầu bằng kim loại	bộ	1
384	KH0823	Khuôn chụp thép lớn C1	bộ	1
385	KH1930	Khuôn côi đột panel sơn	bộ	1
386	KH2167	Puly D246 (231.5 x 98)	bộ	2
387	KH2168	Puly D230-2 (231.5 x 28)	bộ	2
388	KH2169	Puly D100 (101.5 x 124)	bộ	2
389	KH2170	Puly D90 (90 x 55)	bộ	3
390	VD2390	Van hơi dạng xilanh DA3Y027 3YB8	cái	1
		Tổng cộng:		

